

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-5-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bành Văn Dân

Bà Nguyễn Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị P, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Bị đơn:** Anh La Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. **Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nông Thị P trình bày:

Chị Nông Thị P và anh La Văn T quen biết nhau từ năm 2009 khi cùng nhau đi làm ở Bắc Ninh, đến năm 2011 thì yêu nhau và tháng 01/2013 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống ở thôn N, xã Y, huyện V cùng gia đình chồng, cuộc sống ban đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ghen tuông, anh La Văn T nhiều lần bạo hành, đánh đập chị Nông Thị P, năm 2020 chị Nông Thị P đã nộp đơn xin ly hôn anh La Văn T nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh La Văn T không thay đổi cách sống nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, chị Nông Thị P sống và làm việc ở thành phố L còn anh La Văn T gần đây sống chủ yếu ở thôn N, xã Y, huyện V, thi thoảng mới ra thành phố. Nay xác định tình cảm không còn, chị Nông Thị P yêu cầu được ly hôn với anh La Văn T. Về con chung: Có 02 con chung tên là La Đình C, sinh ngày 03/02/2014 và La Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2020. Khi ly hôn chị Nông Thị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu La Thị Ngọc D; anh La Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu La Đình C cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2024 bị đơn La Văn T trình bày: Anh La Văn T và chị Nông Thị P quen biết, yêu nhau và kết hôn với nhau như chị Nông Thị P đã trình bày. Sau khi kết hôn thì vợ chồng hạnh phúc, thi thoảng có mâu thuẫn nhưng không có gì nghiêm trọng. Gần đây do vợ chồng không thống nhất được quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn, có lần bực tức nên anh La Văn T có tát chị Nông Thị P một hai lần chứ không thường xuyên. Anh La Văn T vẫn có tình cảm với chị Nông Thị P nên mong muốn đoàn tụ, nếu chị Nông Thị P kiên quyết ly hôn thì anh La Văn T nhất trí. Về con chung: Có 02 con chung tên là La Đình C và La Thị Ngọc D như chị Nông Thị P đã trình bày. Khi ly hôn thì anh La Văn T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Đình C, chị Nông Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị Ngọc D cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại công văn số 199/CV-UBND ngày 18/3/2024 của UBND xã Y, huyện V cho biết: Anh La Văn T và chị Nông Thị P kết hôn và chung sống tại thôn N, xã Y, huyện V, sau đó chị Nông Thị P làm việc và sinh sống ở thành phố L. Trong thời gian chung sống anh La Văn T và chị Nông Thị P không có mâu thuẫn cãi vã gì ảnh hưởng đến gia đình phải nhờ đến Tổ hòa giải của thôn can thiệp. Tại Công văn số 180/UBND-CV số ngày 29/3/2024, UBND xã T, huyện V cho biết chị Nông Thị P và anh La Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/2013, số thứ tự: 03/2013 đăng ký ngày 21/01/2013, sau khi kết hôn chị Nông Thị P và anh La Văn T sinh sống và có hộ khẩu thường trú ở thôn N, xã Y, huyện V. Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2024, ông La Văn K (là bố đẻ của anh La Văn T) trình bày: Anh La Văn T và chị Nông Thị P được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 2013, sau khi lấy nhau thì chung sống với bố mẹ chồng ở thôn N, xã Y, huyện V, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, gần đây ông La Văn K có nghe kể vợ chồng có mâu thuẫn, cãi cọ với nhau nhưng về vấn đề gì thì ông La

Văn K không biết. Tại biên bản lấy lời khai con chưa thành niên ngày 14/3/2024 cháu La Đình C cho biết hiện nay cháu đang học và sống cùng mẹ tại thành phố L, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu sống cùng ai cũng được vì cháu yêu cả bố và mẹ.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/4/2024 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh La Văn T vắng mặt, chị Nông Thị P có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị P, xử cho chị Nông Thị P được ly hôn anh La Văn T. Về con chung, giao cháu La Đình C, sinh ngày 03/02/2014 cho anh La Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu La Thị Ngọc D sinh ngày 06/10/2020 cho chị Nông Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung do đương sự trình bày không có nên không giải quyết. Về án phí, buộc chị Nông Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Nông Thị P và anh La Văn T có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vấn đề bạo hành gia đình, chị Nông Thị P đã một lần nộp đơn xin ly hôn, sau đó lại rút đơn về đoàn tụ nhưng không cải thiện được quan hệ vợ chồng. Anh La Văn T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có xảy ra bạo lực gia đình nhưng không thường xuyên, trường hợp chị Nông Thị P kiên quyết ly hôn thì anh La Văn T nhất trí. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh La Văn T không có mặt tham gia phiên họp, không tham gia phiên toà, thể hiện anh La Văn T không có nguyện vọng đoàn tụ, không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị P và anh La Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị P.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị P và anh La Văn T có 02 con chung là La Đình C, sinh ngày 03/02/2014 và La Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2020. Khi ly hôn chị Nông Thị P và anh La Văn T đều yêu cầu giao cháu La Đình C cho anh La Văn T, giao cháu La Thị Ngọc D cho chị Nông Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu của chị Nông Thị P và anh La Văn T phù hợp với nguyện vọng của cháu La Đình C tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các bên đương sự đều trình bày không có.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị P là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không yêu cầu miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị P được ly hôn anh La Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu La Đình C, sinh ngày 03/02/2014 cho anh La Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu La Thị Ngọc D **sinh ngày 06/10/2020** cho chị Nông Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị P đã nộp đủ số tiền nêu trên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003193 ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
- CCTHADS H. V, tỉnh Lạng Sơn.
- UBND xã T, H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương